DỰ THẢO **MỘT SỐ NỘI DUNG SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ**
CÔNG TY CỔ PHẦN KHÓA VIỆT – TIỆP TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2021

STT	Mục cần sửa đổi	Nội dung Điều lệ hiện hành	Điều lệ đề xuất sửa đổi, bổ sung tại ĐHĐCĐ thường niên ngày 25/6/2021	Lý do sửa đổi
1	**PHẦN MỞ ĐẦU**	Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Khóa Việt Tiệp được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, tổ chức ngày 12 tháng 05 năm 2018.	Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Khóa Việt Tiệp được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, tổ chức ngày 25 tháng 6 năm 2021	Ngày sửa đổi Điều lệ gần nhất
2	**Điều 1 Khoản 1.a**	"Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.	**"Luật Doanh nghiệp"** có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020.	Luật Doanh nghiệp 2020
3	**Điều 1 Khoản 1.b**	"Luật Chứng khoán" có nghĩa là Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2006 và Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010.	**"Luật Chứng khoán"** có nghĩa là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.	Luật Chứng khoán 2019
4	**Điều 1 Khoản 1.g**	"Người quản lý công ty" là thành viên hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.	"Người quản lý doanh nghiệp" là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên hội đồng quản trị, Tổng giám đốc	Điều chỉnh theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020; Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC
5	**Điều 1 Khoản 1.h**	"Cán bộ quản lý" là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng.	"Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng.	
6	**Điều 1 Khoản 1.i**	"Cán bộ quản lý khác" là các trưởng phòng, Giám đốc xí nghiệp, Giám đốc chi nhánh.	"Người điều hành doanh nghiệp khác" là các trưởng phòng, Giám đốc xí nghiệp, Giám đốc chi nhánh.	
7	**Điều 1 Khoản 1.j**	"Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại Khoản 17, Điều 4 Luật Doanh nghiệp.	"Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại Khoản 46 Điều 4 Luật	Thay đổi tham chiếu điều luật theo Luật Chứng khoán

			Chứng khoán và Khoản 23, Điều 4 Luật Doanh nghiệp.	2019 và Luật Doanh nghiệp 2020
8	**Điều 2 Khoản 6**	6. Thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn, trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Khoản 2, Điều 48 và Điều 49 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 50 Điều lệ này.	6. Thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn, trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 45 và Điều 46 Điều lệ này.	Thay đổi tham chiếu theo Điều lệ Công ty
9	**Điều 4 Khoản 1**	Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.	Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.	Thay thế bằng "Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp" theo Luật Doanh nghiệp 2014, 2020
10	**Điều 5, Khoản 1, 2**	1. Vốn điều lệ của Công ty là 53.250.000.000VND (Năm mươi ba tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng chẵn). 2. Vốn thực góp là 53.250.000.000VND (Năm mươi ba tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng chẵn), được chia thành 5.325.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000VND/cổ phần.	1. Vốn điều lệ của Công ty là 106.500.000.000VND (Một trăm linh sáu tỷ năm trăm triệu đồng chẵn). 2. Vốn thực góp là 106.500.000.000VND (Một trăm linh sáu tỷ năm trăm triệu đồng chẵn), được chia thành 10.650.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000VND/cổ phần.	
11	**Điều 9 Khoản 4**	4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần chưa bán theo quy định tại khoản 4 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của Công ty. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp. Trường hợp không bán hết số cổ phần	4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của Công ty. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp. Trường hợp không bán hết số cổ phần bị thu hồi,	Sửa, thay đổi tham chiếu điều luật theo Luật Doanh nghiệp 2020

		bị thu hồi, Công ty phải đăng ký điều chỉnh vốn điều lệ bằng giá trị mệnh giá số cổ phần đã được thanh toán đủ theo quy định tại Điều 112 Luật Doanh nghiệp.	Công ty phải đăng ký điều chỉnh vốn điều lệ bằng giá trị mệnh giá số cổ phần đã được thanh toán đủ theo quy định tại Điều 113 Luật Doanh nghiệp.	
12	**Điều 10 điểm d**	d. Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác.	d. Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, người điều hành doanh nghiệp và người điều hành doanh nghiệp khác.	Thay đổi tên gọi thống nhất với Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Điều lệ mẫu kèm theo thông tư số 116/2020/TT-BTC
13	**Điều 11 Khoản 2**	2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau: a. Tham gia các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền; c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành; h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Khoản 1, Điều 129 của Luật Doanh nghiệp;	2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau: a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết; c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này; trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan; h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp; **Bổ sung và sắp xếp lại thứ tự các khoản:** i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi	Làm rõ hơn theo Luật Doanh nghiệp 2020 và bổ sung theo điều lệ mẫu tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC

			phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông; j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật; k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;	
14	**Điều 11** **Khoản 3** Bổ sung khoản 4	3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên có các quyền sau: a. Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Điều 23 và Điều 33 của Điều lệ này; b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp; c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông; d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời	3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau: ~~a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các khoản 2 Điều 27 và khoản 4 Điều 40 Điều lệ này~~; b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp; c. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty; **Bổ sung và sắp xếp lại thứ tự các điểm tại khoản 3 Điều 11:** d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị	Phân tách quyền của cổ đông/nhóm cổ đông sở hữu 5% và cổ đông/ nhóm cổ đông sở hữu 10% theo Luật Doanh nghiệp 2020

		điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra; e. Các quyền khác được theo quy định của Luật Doanh nghiệp.	phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp; **Bổ sung khoản 4 và sắp xếp lại thứ tự các khoản:** 4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau: a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông; b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.	
15	**Điều 12** **Khoản 2, 3, 4** Bổ sung Khoản 8	2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền;	2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các nội dung tại Đại hội thông qua các hình thức sau: a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;	Bổ sung, làm rõ quy định Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/TT-BTC

		3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định; 4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;	b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử; 3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định và tự chịu trách nhiệm về nguồn gốc vốn góp; 4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ liên hệ thì phải thông báo kịp thời với Công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông. **Bổ sung khoản 8.** 8.Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.	
16	**Điều 13 Khoản 1**	1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần, trong thời hạn bốn tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng	1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần, trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ	Bổ sung làm rõ quy định Điều lệ Công ty

		quản trị, Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường.	
17	**Điều 13 Khoản 3 điểm c và e**	3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị còn 03 thành viên trở xuống, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm đến 03 thành viên. e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 159 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;	3. c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật; e. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát phù hợp với các quyền của Ban kiểm soát được quy định theo pháp luật, Điều lệ này và các quy chế của Công ty;	Bổ sung việc triệu tập ĐHĐCĐ khi không đủ số lượng thành viên BKS theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020. Sửa nội dung điểm e theo đúng nội dung liên quan đến việc Hội đồng quản trị phải triệu tập ĐHĐCĐ bất thường
18	**Điều 13 Khoản 4** Điểm a, b, c; bổ sung điểm e	4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại theo quy định tại Mục c, d, e Khoản 3 Điều 13 Điều lệ này;	4. a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e Khoản 0 Điều này;	Sửa đổi để phù hợp với sửa đổi tại Khoản 3 Điều 13 Thay đổi tham chiếu điều luật theo Luật Doanh nghiệp 2020

		b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Mục a, Khoản 4, Điều 13 Điều lệ này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5, Điều 136 Luật Doanh nghiệp; c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Mục b, Khoản 4, Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Mục d, Khoản 3, Điều 13 Điều lệ này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6, Điều 136 Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.	b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a, Khoản 0 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp. c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b, Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d, Khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết. **Bổ sung và sắp xếp lại thứ tự các khoản:** e. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.	

19	**Điều 14 Khoản 2 điểm h sửa thành điểm i**	2. Đại hội đồng cổ đông có quyền quyết định về các vấn đề sau: h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần từng loại được quyền phát hành;	**i.** Loại cổ phần và số lượng cổ phần từng loại được quyền chào bán	Thay thế khái niệm "Phát hành" thành "chào bán" để đồng nhất với các khái niệm tại Luật Doanh nghiệp và Luật chứng khoán.
20	**Điều 14 Khoản 2 bổ sung điểm h**		**Bổ sung điểm và sắp xếp lại các điểm thuộc Khoản 2 Điều 14:** h. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;	Bổ sung theo điểm l Khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp 2020
21	**Điều 14 Khoản 2**	p. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.	**Bổ sung nội dung và sắp xếp lại các điểm thuộc Khoản 2 Điều 14:** p. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; bao gồm: i. Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), người quản lý khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này; ii. Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), người quản lý khác mà công ty đại chúng và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động	Theo quy định tại Điều lệ mẫu tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC và Nghị định 155/2020/NĐ-CP

			theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế, Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ công ty; iii. Giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa công ty đại chúng với một trong các đối tượng sau: - Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này; - Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ; - Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp; iv. Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.	
22	**Điều 15 Khoản 1**	1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện	1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện	Làm rõ theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020

		theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.	theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Trường hợp không xác định số cổ phần cụ thể của mỗi người đại diện thì số cổ phần này được chia đều cho mỗi người đại diện theo ủy quyền.	
23	**Điều 16 Khoản 2 Điểm a; bổ sung điểm b, c, d**	2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây: a. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty hoặc Danh sách người sở hữu chứng khoán do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam xác nhận. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 15 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông;	2. a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty và Danh sách người sở hữu chứng khoán do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam xác nhận (trong trường hợp công ty đã lưu ký tập trung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán). Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông. **Bổ sung và sắp xếp lại các khoản:** b. Chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội; c. Chuẩn bị tài liệu cho Đại hội; d. Chuẩn bị dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;	- Điều 141 Luật Doanh nghiệp; - Điều 273 Nghị định 155/2020/NĐ-CP - Khoản 2 Điều 18 Điều lệ mẫu (TT 116/)
24	**Điều 16 Khoản 3**	3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi cho các cổ đông, trên website của Công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được	3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi cho các cổ đông, trên website của Công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được	Sửa đổi theo Điều 143 Luật Doanh nghiệp

		gửi cho Cổ đông bằng cách chuyển đến tận tay hoặc gửi thư qua bưu điện bằng phương thức đảm bảo (hoặc thư báo phát) hoặc phương thức khác bảo đảm tới địa chỉ liên lạc của Cổ đông ít nhất mười (10) ngày làm việc trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).	gửi cho Cổ đông bằng cách chuyển đến tận tay hoặc gửi thư qua bưu điện bằng phương thức đảm bảo (hoặc thư báo phát) hoặc phương thức khác bảo đảm tới địa chỉ liên lạc của Cổ đông chậm nhất là 21 ngày làm việc trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).	
25	**Điều 16 Khoản 5 điểm b**	5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 Điều 16 Điều lệ này trong các trường hợp sau: b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này;	b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ từ 05% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này;	Điều chỉnh theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020
26	**Điều 16 bỏ Khoản 6**	6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.	~~6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.~~	Nội dung khoản này đã bao gồm trong khoản 2 Điều 16 Điều lệ Công ty (Bỏ khoản này)
27	**Điều 16 bỏ Khoản 7**	7. Các Quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và ủy quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.	~~7. Các Quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và ủy quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.~~	Nội dung này trùng với nội dung quy định tại Khoản 5 Điều 19 Điều lệ công ty năm 2018. Do đó, bỏ nội dung này và thống nhất quy định tại Điều 19 để phù hợp hơn.
28	**Điều 17 Khoản 1**	**Điều 17. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông:**	1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.	Điều chỉnh theo Luật Doanh nghiệp 2020

		1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.		
29	**Điều 18 Khoản 3**	3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ toạ không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.	3. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ toạ không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.	Bổ sung và làm rõ hơn theo Luật Doanh nghiệp 2020 và theo điều lệ mẫu tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC
30	**Điều 18 Khoản 4 điểm a**	4. Chủ toạ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định như sau: a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ toạ các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ toạ cuộc họp. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.	4. a. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ toạ các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ toạ cuộc họp. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.	Bổ sung và làm rõ hơn theo Luật Doanh nghiệp 2020 và theo điều lệ mẫu tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC
31	**Điều 18 Khoản 6**	6. Ngoài ra, Chủ toạ đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ	6. Ngoài ra, Chủ toạ đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ	Bổ sung làm rõ quy định của Điều lệ

		ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.	ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.	
32	**Điều 18 sửa Khoản 9 và sắp xếp lại**	9. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.	12. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Người triệu tập cuộc họp cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Người triệu tập cuộc họp sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội. **Bổ sung và sắp xếp lại thứ tự các khoản:** 11. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay tại cuộc họp.	Sửa đổi, bổ sung theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC Người triệu tập ĐHĐCĐ có thể không phải là HĐQT.
33	**Điều 18 Khoản 10**	10. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để: c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào	13. Người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp an ninh mà Người triệu tập cuộc họp cho là thích hợp để: c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện	Sửa đổi theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020. Người triệu tập ĐHĐCĐ có thể không phải là HĐQT. Sắp xếp lại thứ tự.

		cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.	pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.	
34	**Điều 18 Khoản 11**	11. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:	14. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:	Sửa đổi theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020 Người triệu tập ĐHĐCĐ có thể không phải là HĐQT.
35	**Điều 19 Khoản 2:**	2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành hoặc ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản: - Sửa đổi và bổ sung Điều lệ Công ty - Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; - Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; - Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty; - Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, hoặc tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn do Điều lệ công ty quy định; - Tổ chức lại, giải thể công ty.	2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành hoặc ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp: ~~- Sửa đổi và bổ sung Điều lệ Công ty;~~ - Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; - Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; - Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty; - Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, ~~hoặc tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn do Điều lệ công ty quy định;~~ - Tổ chức lại, giải thể công ty; - Vấn đề khác do pháp luật quy định.	Sửa đổi theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020
36	**Điều 19 Khoản 3**	3. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp hoặc ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận trong trường hợp lấy ý kiến	3. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp hoặc trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản,	Điều chỉnh theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020

		bằng văn bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều này.	trừ trường hợp quy định tại khoản khoản 2, khoản 4 Điều này và khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.	
37	**Điều 19 Khoản 5**	5. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.	5. Các Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và ủy quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.	Làm rõ quy định
38	**Điều 20 Khoản 1**	1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;	1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 19 Điều lệ này.	Bổ sung tham chiếu quy định theo Điều lệ Công ty
39	**Điều 20 Khoản 2**	2. Hội đồng Quản trị có thể xin ý kiến Cổ đông bằng văn bản các nội dung được quy định tại Điều 145 Luật Doanh nghiệp;	2. Hội đồng Quản trị có thể xin ý kiến Cổ đông bằng văn bản các nội dung được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 19 Điều lệ này.	Tham chiếu quy định theo Điều lệ công ty
40	**Điều 20 Khoản 3**	3. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo Nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến được thực hiện theo quy định tại Khoản 1, 2 Điều 137	3. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo Nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến được thực hiện theo quy định tại Khoản 1, 2 Điều 141 Luật	Thay đổi tham chiếu điều luật theo Luật Doanh nghiệp 2020

		Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 139 của Luật Doanh nghiệp.	Doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 143 của Luật Doanh nghiệp.	
41	**Điều 20 Khoản 4 điểm a**	4. a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;	4. a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký thành lập doanh nghiệp;	Thay đổi tên gọi theo Luật Doanh nghiệp 2014, 2020
42	**Điều 20 Khoản 6 điểm a, c, e, f**	a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh; c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết; e. Các Nghị quyết đã được thông qua; f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty, người kiểm phiếu.	a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký thành lập doanh nghiệp; c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết; e. Các Nghị quyết đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng; f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty, người kiểm phiếu, người giám sát kiểm phiếu.	Thay đổi tên gọi theo Luật Doanh nghiệp 2014, 2020 Bổ sung làm rõ quy định tại Luật Doanh nghiệp 2020
43	**Điều 20 Khoản 9**	9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận trừ những nội dung quy định tại khoản 2 Điều 19 và có giá trị như Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận trừ những nội dung quy định tại khoản 2 Điều 19 Điều lệ này và có giá trị như Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Điều chỉnh theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020

44	**Điều 21 Khoản 1**	1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập Biên bản bằng tiếng Việt, nội dung thực hiện đúng theo Điều 146 Luật Doanh nghiệp.	1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập Biên bản bằng tiếng Việt, nội dung thực hiện đúng theo Điều 150 Luật Doanh nghiệp.	Thay đổi tham chiếu điều luật theo Luật Doanh nghiệp 2020
45	**Điều 22.**	Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 114 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:	Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:	Thay đổi tham chiếu điều luật theo Luật Doanh nghiệp 2020
46	**Điều 22 Khoản 1**	1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty;	Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 19 Điều lệ này.	Bổ sung làm rõ quy định
47	**Điều 22 Khoản 2**	2. Trình tự, thủ tục ra Nghị quyết và nội dung quyết định vi phạm Pháp luật hoặc Điều lệ công ty.	2. Trình tự, thủ tục ra Nghị quyết và nội dung Nghị quyết vi phạm Pháp luật hoặc Điều lệ công ty.	
48	**Điều 22 Khoản 3**	3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 147 của Luật doanh nghiệp, các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.	3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 151 của Luật Doanh nghiệp, các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.	Thay đổi tham chiếu điều luật theo Luật Doanh nghiệp 2020
49	**Điều 23 Khoản 2**	2. Các cổ đông nắm giữ dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc	2. Các cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới	Bổ sung và làm rõ hơn theo Luật Doanh nghiệp 2020 và theo điều lệ mẫu tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC

		nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử tối đa một ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy ứng viên và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám ứng viên. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bầu cử.	20% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm ~~có thể~~ đề cử thêm ứng cử viên ~~hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bầu cử.~~	
50	**Điều 23 Khoản 4 điểm a, c, e**	4. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau: a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 151 của Luật Doanh nghiệp. c. Có đơn từ chức.	a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 5 Điều này và quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị. c. Có đơn từ chức và được chấp thuận.	Điều chỉnh theo Luật Doanh nghiệp 2020

		e. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.	e. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.	
51	**Điều 24 Khoản 2**	2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác.	2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc và những Người điều hành khác.	Thay đổi các tên gọi để thống nhất theo Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC
52	**Điều 24 Khoản 3 điểm d, e, f, j, n, r**	3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau: d. Bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý và cán bộ quản lý khác khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc miễn nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị miễn nhiệm (nếu có); e. Bổ nhiệm và miễn nhiệm các cán bộ quản lý khác theo đề nghị của Tổng giám đốc và quyết định mức lương của họ; f. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó; j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;	3. d. Bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành doanh nghiệp và Người điều hành doanh nghiệp khác khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc miễn nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị miễn nhiệm (nếu có); g. Bổ nhiệm và miễn nhiệm những Người điều hành doanh nghiệp và Người điều hành doanh nghiệp khác theo đề nghị của Tổng giám đốc và quyết định mức lương của họ; h. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với các loại Người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại Người điều hành đó; j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức; tổ	- Bổ sung và làm rõ hơn theo Luật Doanh nghiệp 2020 và theo điều lệ mẫu tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC - Thay đổi các tên gọi để thống nhất theo Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC

		n. Phê chuẩn các hợp đồng giao dịch quy định tại Khoản 2 Điều 162 Luật Doanh nghiệp. r. Phê chuẩn việc mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;	chức việc chi trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; n. Phê chuẩn các hợp đồng giao dịch quy định tại Khoản 2 Điều 167 Luật Doanh nghiệp. r. Phê chuẩn việc mua hoặc bán cổ phần/phần vốn góp của Công ty ở những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài; **Bổ sung điểm c, d và sắp xếp lại các khoản:** c. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật; d. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;	
53	**Điều 24** **Khoản 4**	4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Đại hội đồng cổ đông thông qua.	4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.	Làm rõ theo Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC
54	**Điều 24** **Khoản 8**	Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và số tiền thù lao cho từng thành viên phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.	Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và số tiền thù lao cho từng thành viênphải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh	Làm rõ theo Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC

			doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.	
55	**Điều 25 Khoản 1**	1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một (01) Chủ tịch . Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm chức Tổng giám đốc của Công ty phải được phê chuẩn hàng năm của Đại hội đồng cổ đông thường niên.	1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một (01) Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.	Sửa đổi theo Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC
56	**Điều 25 Khoản 3**	3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì uỷ quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được uỷ quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị không làm việc được thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.	3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì uỷ quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được uỷ quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.	Bổ sung theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC
57	**Điều 25 Khoản 5**	5. Trừ khi luật pháp quy định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.	5. Trừ khi luật pháp quy định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho những Người điều hành doanh nghiệp đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.	
58	**Điều 25 Khoản 6**	Trường hợp Chủ tịch từ chức hoặc bị bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.	Trường hợp Chủ tịch từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.	Làm rõ theo Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC

59	**Điều 26** **Khoản 3**	3. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn: a. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý và cán bộ quản lý khác; b. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị; c. Ban kiểm soát.	3. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn: a. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) Người điều hành doanh nghiệp và Người điều hành doanh nghiệp khác; b. Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị; c. Có đề nghị của Ban kiểm soát.	Làm rõ theo Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC
60	**Điều 26** **Khoản 7**	7. Thông báo và chương trình họp: Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất ba (03) ngày trước khi tổ chức họp. Các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể được thay đổi, hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải	7. Thông báo và chương trình họp: Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát, Tổng giám đốc chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước khi tổ chức họp. Các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể được thay đổi, hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.	Sửa đổi theo khoản 6 Điều 157 Luật Doanh nghiệp 2020

		bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.	Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị và Trưởng Ban kiểm soát được đăng ký tại công ty.	
61	**Điều 26 Khoản 8**	8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có 04 thành viên Hội đồng quản trị tham dự.	8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất 4/5 thành viên Hội đồng quản trị tham dự	Chuyển đổi số lượng sang tỷ lệ
62	**Điều 26 Khoản 14**	14. Biên bản họp Hội đồng quản trị: Cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu trữ dưới hình thức điện tử khác. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của Chủ tọa và người ghi biên bản họp. Chủ tịch hội đồng quản trị và Thư ký cuộc họp chịu trách nhiệm tính trung thực về nội dung biên bản cuộc họp.	14. Biên bản họp Hội đồng quản trị: Cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu trữ dưới hình thức điện tử khác. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của Chủ tọa và người ghi biên bản họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 158 Luật Doanh nghiệp. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm tính trung thực về nội dung biên bản cuộc họp.	Làm rõ theo quy định của Luật Doanh nghiệp
63	**Điều 27 Khoản 1**	**Điều 27. Cán bộ quản lý**	**Điều 27. Người điều hành doanh nghiệp** **Bổ sung mục 1 sắp xếp và sửa đổi các Điều khoản**	Thay đổi các tên gọi để thống nhất theo Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Điều lệ

		1. Theo yêu cầu của công tác quản lý, Tổng Giám đốc đề xuất với Hội đồng quản trị số lượng và loại cán bộ quản lý khác (trưởng các phòng ban, giám đốc xí nghiệp và chi nhánh) phù hợp. Cán bộ quản lý này phải đáp ứng các tiêu chuẩn do Hội đồng quản trị quy định.	1. Người điều hành doanh nghiệp bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Người điều hành khác. 2. Theo yêu cầu của công tác quản lý, Tổng Giám đốc đề xuất với Hội đồng quản trị số lượng và loại Người điều hành khác (trưởng các phòng ban, giám đốc xí nghiệp và chi nhánh) phù hợp. Người điều hành này phải đáp ứng các tiêu chuẩn do Hội đồng quản trị quy định.	mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC
64	**Điều 27** **Khoản 2**	1. Cán bộ quản lý 2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích của Tổng giám đốc, các phó tổng giám đốc, kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác tuân thủ theo các quy định của Công ty.	1. Người điều hành công ty… Bổ sung khoản 2 2. Theo yêu cầu của công tác quản lý, TGĐ đề xuất với HĐQT số lượng và loại Người điều hành khác (trưởng các phòng ban, GĐXN và chi nhánh) phù hợp. Những người điều hành này phải đáp ứng các tiêu chuẩn do HĐQT quy định. 3. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích của Tổng giám đốc, các phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những Người điều hành khác tuân thủ theo các quy định của Công ty, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.	- Thay đổi các tên gọi để thống nhất theo Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC - Làm rõ theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC
65	**Điều 28** **Khoản 2**	2. Tổng giám đốc phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;	2. a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp **Bổ sung điểm b và sắp xếp lại các khoản:**	Bổ sung theo khoản 5 Điều 162 Luật Doanh nghiệp 2020 và điều kiện thực tế của công ty

			b. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, thành viên Ban kiểm soát của Công ty;	
66	**Điều 28** **Khoản 3**	3. Nhiệm kỳ: Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Tổng giám đốc không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước, người đã bị phán quyết là đã làm cho công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản và đối tượng khác theo quy định của Pháp luật.	3. Nhiệm kỳ: Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. ~~Tổng giám đốc không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước, người đã bị phán quyết là đã làm cho công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản và đối tượng khác theo quy định của Pháp luật.~~	Làm rõ theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020
67	**Điều 28** **Khoản 4**	4. Quyền hạn và nhiệm vụ: Tổng giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau: b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc Tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất; c. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ	b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, bao gồm việc Tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất; c. Kiến nghị số lượng và các loại Người điều hành doanh nghiệp/Người điều hành doanh nghiệp khác	- Làm rõ theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC - Thay đổi các tên gọi để thống nhất theo Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC

		nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý; e. Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm… i. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị và pháp luật.	cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của Người điều hành doanh nghiệp đó; e. Vào ngày 15 tháng 12 hàng năm… i. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc (nếu có) và pháp luật.	
68	**Điều 29**	Ban Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này.	Ban Thư ký, Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này.	
69	**Điều 30**	Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác được uỷ thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, một cách trung thực và cẩn trọng theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty.	Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Người điều hành doanh nghiệp khác được ủy thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, một cách trung thực và cẩn trọng theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty.	Thay đổi các tên gọi để thống nhất theo Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC
70	**Điều 31** **Khoản 1**	1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân	1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Người điều hành doanh nghiệp khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư	Thay đổi các tên gọi để thống nhất theo Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC

		hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.	lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.	
71	**Điều 31 Khoản 2**	2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.	**Bổ sung và sắp xếp lại thứ tự các khoản:** 3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và Người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.	Bổ sung và làm rõ theo Luật Doanh nghiệp 2020 và theo điều lệ mẫu tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC
72	**Điều 32 Khoản 1**	1. Trách nhiệm về thiệt hại: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.	1. Trách nhiệm về thiệt hại: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Người điều hành doanh nghiệp khác vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.	Thay đổi các tên gọi để thống nhất theo Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC
73	**Điều 32 Khoản 2**	2. Bồi thường: Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng	2. Bồi thường: Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do	Thay đổi các tên gọi để thống nhất theo Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC

		do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, cán bộ quản lý khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty (hay công ty con của Công ty) uỷ quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay công ty con của Công ty) với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, cán bộ quản lý khác, nhân viên hoặc là đại diện được uỷ quyền của một công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.	Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Người điều hành doanh nghiệp khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty (hay công ty con của Công ty) uỷ quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay công ty con của Công ty) với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Người điều hành doanh nghiệp khác, nhân viên hoặc là đại diện được uỷ quyền của một công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.	
74	**Điều 33 Khoản 2**	2. Kiểm soát viên không được giữ các chức vụ quản lý Công ty. Kiểm soát viên có thể không phải là cổ đông của Công ty.	2. Thành viên Ban kiểm soát không được là Người quản lý Công ty. Thành viên Ban kiểm soát có thể không phải là cổ đông của Công ty.	

75	**Điều 33 Khoản 3**	3. Các Kiểm soát viên phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý Công ty.	3. Các thành viên Ban kiểm soát phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành, Người điều hành doanh nghiệp và Người điều hành doanh nghiệp khác	Thay đổi các tên gọi để thống nhất theo Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC
76	**Điều 33 Khoản 4**	4. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải là Kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp.	4. Các thành viên Ban kiểm soát bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.	Điều chỉnh và bổ sung về tiêu chuẩn thành viên Ban kiểm soát theo Luật Doanh nghiệp 2020
77	**Điều 33 Khoản 5 điểm b**	5. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau: b. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;	5. b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp và Người điều hành doanh nghiệp khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;	Làm rõ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp 2020
78	**Điều 33 Khoản 7**	7. Các cổ đông có quyền tập hợp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu ~~quyết trong thời hạn liên~~	7. Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ cổ phần từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền tập hợp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ	- Điều chỉnh theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020 - Bổ sung làm rõ nội dung Điều lệ

		~~tục ít nhất sáu tháng~~ được đề cử tối đa một ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy ứng viên và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám ứng viên.	từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên. **Bổ sung nội dung vào khoản 7:** Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử thêm ứng cử viên. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây: a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;	

			b. Trình độ học vấn; c. Trình độ chuyên môn; d. Quá trình công tác; e. Các chức danh quản lý khác; f. Các lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty (nếu có); g. Các thông tin khác (nếu có).	
79	**Điều 33** **Khoản 8**	8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm kiểm soát viên: 8.1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây: a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm kiểm soát viên theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp. b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 6 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng. c. Có đơn từ chức và được chấp thuận. d. Bị rối loạn tâm thần và không còn năng lực hành vi dân sự. 8.2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây: a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công. b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của kiểm soát viên quy định tại Luật doanh nghiệp. c. Theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.	8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát: 8.1. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây: a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp. ~~b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 6 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng~~. c. Có đơn từ chức và được chấp thuận. d. Bị rối loạn tâm thần và không còn năng lực hành vi dân sự. 8.2. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây: a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công. b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát quy định tại Luật doanh nghiệp. c. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;	- Thay đổi thống nhất tên gọi thành viên Ban kiểm soát - Thay đổi tham chiếu điều luật và làm rõ quy định theo Luật Doanh nghiệp 2020

			d. Theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.	
80	**Điều 34 Khoản 1**	1. Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây: a. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán; b. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết; c. Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng trước khi đệ trình Đại hội đồng cổ đông, công bố thông tin theo quy định của pháp luật; d. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc; e. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty; f. Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận; g. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.	1. Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây: **Bổ sung mục h, i, j, k và sắp xếp thứ tự các khoản:** h. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những Người giữ chức danh điều hành khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả; i. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua; j. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán k. Các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.	Điều chỉnh và bổ sung về BKS theo Luật Doanh nghiệp 2020 và theo điều lệ mẫu tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC
81	**Điều 34 Khoản 2**	2. Thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm	2. Thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những Người giữ chức danh điều hành khác phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu	

		soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.	cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho Trưởng Ban kiểm soát hoặc người được ủy quyền vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.	
82	**Điều 34 Khoản 3**	3. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai người.	3. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là 2/3 thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát. **Bổ sung mục 4 và sắp xếp lại thứ tự các khoản:** 4. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.	
83	**Điều 34 Khoản 4**	4. Tổng mức thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên của Ban kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ	**Bổ sung nội dung và sắp xếp lại thứ tự khoản:** 5. Tổng mức thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên của Ban kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và	

		tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.	các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.	
84	**Điều 34 Khoản 5**	5….Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.	5….Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.	
85	**Điều 35 Khoản 1**	1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong Khoản 3, Điều 11 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của công ty danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được ủy quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.	2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong Khoản 3, Điều 11 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được xem xét, tra cứu, trích lục trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của công ty các biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được ủy quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này. **Bổ sung mục 1 và sắp xếp lại thứ tự các**	Bổ sung theo Luật Doanh nghiệp 2020 và theo điều lệ mẫu tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC

			khoản: 1. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.	
86	**Điều 35** **Khoản 2**	2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.	2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những Người điều hành doanh nghiệp có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.	Thay đổi các tên gọi để thống nhất theo Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC
87	**Điều 35** **Khoản 3**	3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.	3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.	Thay đổi tên gọi theo Luật Doanh nghiệp 2014, 2020
88	**Điều 37** **Khoản 1**	1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty, sau khi đã thông qua Đại hội đồng cổ đông.	1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty, sau khi đã thông qua Đại hội đồng cổ đông.	Làm rõ theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020

			Công ty chỉ được trả cổ tức khi có đủ các điều kiện sau đây: a. Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; b. Đã trích lập các quỹ công ty và bù đắp lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ này; c. Ngay sau khi trả hết số cổ tức, công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.	
89	**Điều 38**	…Hội đồng quản trị có trách nhiệm trình Đại hội đồng cổ đông phương án phân phối lợi nhuận hàng năm của Công ty và mức trích lập quỹ như sau: - ~~Quỹ dự trữ bắt buộc 10% lợi nhuận phân phối, khi số dư của quỹ này bằng 25% vốn điều lệ thì không trích nữa.~~ - Quỹ Đầu tư phát triển tối đa 10% lợi nhuận phân phối; - Quỹ khen thưởng, phúc lợi tối đa 10% lợi nhuận phân phối.	…Hội đồng quản trị có trách nhiệm trình Đại hội đồng cổ đông phương án phân phối lợi nhuận hàng năm của Công ty và mức trích lập quỹ như sau: - Quỹ Đầu tư phát triển tối đa 10% lợi nhuận phân phối; - Quỹ khen thưởng, phúc lợi tối đa 10% lợi nhuận phân phối.	Sửa đổi theo quy định của Luật
90	**Điều 42** **Khoản 1**	Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 44 Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua (theo Mục e, Khoản 2, Điều 135 Luật Doanh nghiệp) cho cơ quan thuế	Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 44 Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua (theo điểm e, Khoản 2, Điều 138 Luật Doanh nghiệp) cho cơ quan thuế có thẩm	Thay đổi tham chiếu điều luật theo Luật Doanh nghiệp 2020

		có thẩm quyền, Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán (nếu đã niêm yết) và cơ quan đăng ký kinh doanh.	quyền, Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán (nếu đã niêm yết) và cơ quan đăng ký kinh doanh.	
91	**Điều 42 Khoản 4**	4. ~~Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý của Công ty, tại trụ sở cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền.~~		
92	**Điều 45 Khoản 1.b**	**Điều 45. Chấm dứt hoạt động** 1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau: b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định.	1. b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;	Làm rõ nội dung
93	**Điều 48 Khoản 1.b và khoản 2**	1. b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay cán bộ quản lý cao cấp; … 2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế.	1. b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp; 2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án nhân dân có thẩm quyền.	Thay đổi các tên gọi để thống nhất theo Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC
94	**Điều 50 Khoản 1**	1. Bản điều lệ này gồm XX chương 50 Điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Khóa Việt-Tiệp nhất trí thông qua ngày 12 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Công ty và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này. Bản Điều lệ này thay thế "Điều lệ tổ chức	1. Bản điều lệ này gồm XX chương 50 Điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Khóa Việt Tiệp nhất trí thông qua ngày 25 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Công ty và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.	

		và hoạt động của Công ty cổ phần Khóa Việt Tiệp" ngày 24 tháng 4 năm 2016.	Bản Điều lệ này thay thế "Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Khóa Việt Tiệp" ngày 12 tháng 5 năm 2018.	

Ngày 25 tháng 5 năm 2021

BAN TỔ CHỨC